

**CÔNG TY TNHH ĐTXD & TMDV HM ANH DŨNG**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐTXD & TMDV HM ANH DŨNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HM ANH DUNG DTXD & TMDV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HMAD CO.,LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108078185

**3. Ngày thành lập:** 30/11/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 203, thôn 400, Xã Thanh Mỹ, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0969501981

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô:<br>+ Sửa chữa phần cơ, phần điện, hệ thống đánh lửa tự động,<br>+ Bảo dưỡng thông thường,<br>+ Sửa chữa thân xe,<br>+ Sửa chữa các bộ phận của ô tô,<br>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn | 4520     |
| 2.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ<br>Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                       | 4530     |
| 3.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>chi tiết:<br>- Hoạt động trang trí nội thất.<br>- Thiết kế thời trang liên quan đến dệt, trang phục, giày, đồ trang sức, đồ đạc và trang trí nội thất khác, hàng hóa thời trang khác cũng như đồ dùng cá nhân và gia đình khác;                               | 7410     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                       | 4210     |
| 5.  | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4311     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(không kinh doanh vàng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662        |
| 7.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5210        |
| 8.  | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6820        |
| 9.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng công trình công nghiệp :<br>+ Các nhà máy : như công trình thủy điện<br>+ Các xưởng hoá chất,<br>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...<br>+ Đập và đê.<br>- Xây dựng đường hầm;<br>- Các công việc xây dựng khác không phải nhà như: Các công trình thể thao ngoài trời. | 4290(Chính) |
| 10. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4312        |
| 11. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4321        |
| 12. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330        |
| 13. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, véc ni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim                                                                                         | 4663        |
| 14. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết:<br>Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                              | 6810        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 15. | <p>Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiết kế Kiến trúc công trình</li> <li>- Thiết kế quy hoạch xây dựng</li> <li>- Thiết kế Xây dựng</li> <li>- Giám sát thi công xây dựng</li> <li>- Lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng</li> <li>- Lập dự án đầu tư xây dựng công trình</li> <li>- Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình</li> <li>- Tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình</li> <li>- Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu</li> </ul> <p>+ Thẩm tra dự án đầu tư, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán công trình</p> <p>Đo đạc bản đồ. Chi tiết: - Dịch vụ điều tra, đo đạc và lập bản đồ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Vẽ bản đồ và thông tin về không gian.</li> </ul> | 7110 |
| 16. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5224 |
| 17. | <p>Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: -Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8299 |
| 18. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoạt động xây dựng chuyên dụng trong một bộ phận thông thường</li> </ul> <p>khác nhau về thể loại cấu trúc, yêu cầu phải có kỹ năng riêng chuyên sâu hoặc phải có thiết bị dùng riêng như:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chống ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uốn thép,</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                           | 4390 |
| 19. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày</p> <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4659 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 20. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết:<br>Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn<br>Bán buôn dầu thô<br>Bán buôn khí đốt                                                                                                                                                                                           | 4661 |
| 21. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>Bán buôn ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                | 4511 |
| 22. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>Hoạt động đại lý bán buôn, đại lý bán lẻ, môi giới ô tô và xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                        | 4513 |
| 23. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4633 |
| 24. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>Bán buôn hóa chất<br>Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh<br>Bán buôn cao su<br>Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt<br>Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép<br>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại                                                                           | 4669 |
| 25. | Dịch vụ ăn uống khác<br>Chi tiết:<br>Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống, ví dụ cung cấp dịch vụ ăn uống cho các cuộc thi đấu thể thao hoặc những sự kiện tương tự trong một khoảng thời gian cụ thể<br>- Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền | 5629 |
| 26. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4512 |
| 27. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4100 |
| 28. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4220 |
| 29. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4322 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 30. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết:<br>hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng;<br>- Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như :<br>+ Thang máy, cầu thang tự động,<br>+ Các loại cửa tự động,<br>+ Hệ thống đèn chiếu sáng,<br>+ Hệ thống hút bụi,<br>+ Hệ thống âm thanh,<br>+ Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí                                                | 4329 |
| 31. | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4632 |
| 32. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 5510 |
| 33. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5610 |
| 34. | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 5621 |
| 35. | Dịch vụ phục vụ đồ uống                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5630 |
| 36. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752 |
| 37. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933 |
| 38. | Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 5022 |

**6. Vốn điều lệ:** 20.000.000.000 VNĐ

### **7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỖNG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 21/10/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181005117

Ngày cấp: 24/12/2014

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Thanh Vị, Xã Thanh Mỹ, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Thanh Vị, Xã Thanh Mỹ, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Thời gian đăng từ ngày 30/11/2017 đến ngày 30/12/2017

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN THỊ HUỜNG

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 21/10/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001181005117

Ngày cấp: 24/12/2014

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Thanh Vị, Xã Thanh Mỹ, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Thanh Vị, Xã Thanh Mỹ, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội